

TRƯỜNG THPT HÀN THUYỀN
TỔ NGŨ VĂN

NỘI DUNG ÔN TẬP
MÔN: NGŨ VĂN – LỚP 10 (GIỮA HỌC KÌ II)
NĂM HỌC 2024 - 2025

A) GIỚI HẠN CHƯƠNG TRÌNH: Bài 6 và 7 (chương trình 2018)

B) CẤU TRÚC VÀ PHƯƠNG PHÁP: Tự luận 100%

1. Về văn bản:

- Những văn bản, đoạn văn bản nằm ngoài chương trình (cùng thể loại với những văn bản đã học).

2. Về kiến thức:

- HS cần:

+ Vận dụng được những hiểu biết về tác giả văn học trung đại để đọc hiểu một số tác phẩm của tác giả đó.

+ Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử - văn hóa được thể hiện trong văn bản văn học.

+ Nhận biết và phân tích được cách sắp xếp trình bày luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và vai trò của yếu tố biểu cảm trong văn bản nghị luận.

+ Viết được văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội: Trình bày rõ ràng quan điểm và hệ thống luận điểm, bài viết có cấu trúc chặt chẽ, sử dụng các bằng chứng thuyết phục.

+ Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện như: người kể chuyện ngôi thứ ba và người kể chuyện ngôi thứ nhất, điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật.

+ Hiểu tác dụng của biện pháp chêm xen, liệt kê, biết cách vận dụng các biện pháp này vào việc tạo câu.

+ Viết được một bài văn nghị luận phân tích đánh giá chủ đề, nhân vật và những nét đặc sắc về nghệ thuật của một tác phẩm văn học.

+ Biết thảo luận về một vấn đề có ý kiến khác nhau; đưa ra được những căn cứ thuyết phục; tôn trọng người đối thoại.

+ Yêu thương và có trách nhiệm với con người, cuộc sống.

3. Cấu trúc đề :

- Thời gian: 90 phút

- Cấu trúc đề thi theo cấu trúc đề minh họa thi tốt nghiệp THPT năm 2025 bao gồm 02 phần:

+ Phần đọc hiểu: Gồm 05 câu (02 câu nhận biết, 02 câu thông hiểu, 01 câu vận dụng)

+ Phần viết: Gồm 02 câu (Nếu ngữ liệu phần đọc hiểu là văn bản văn học thì đề yêu cầu viết đoạn văn nghị luận văn học, bài văn nghị luận xã hội; nếu ngữ liệu đọc hiểu thuộc thể loại văn bản thông tin, văn bản nghị luận thì đề yêu cầu viết đoạn văn nghị luận xã hội, bài văn nghị luận văn học).

Câu 1: Viết đoạn nghị luận văn học hoặc nghị luận xã hội dài khoảng 150 chữ

Câu 2: Viết bài văn nghị luận văn học hoặc nghị luận xã hội dài khoảng 400 chữ

- Phần kiểm tra năng lực đọc – hiểu, HS không trình bày dài dòng, chỉ trả lời trọng tâm vào nội dung câu hỏi một cách ngắn gọn.

C) ĐỀ THAM KHẢO:

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản:

Công danh đã được hợp⁽¹⁾ về nhân,

Lành dữ âu chi⁽²⁾ thế nghị⁽³⁾ khen.

Ao cạn vớt bèo cấy muống,

Đìa thanh⁽⁴⁾ phát cỏ ương sen.

Kho thu phong nguyệt⁽⁵⁾, đầy qua nóc,

Thuyền chở yên hà⁽⁶⁾ nặng vạy⁽⁷⁾ then.

Bui⁽⁸⁾ có một lòng trung lẫn⁽⁹⁾ hiểu,

Mài chẳng khuyết, nhuộm chẳng đen.⁽¹⁰⁾

(Thuật hứng 24 – Nguyễn Trãi, Trích *Luận đề về Nguyễn Trãi*, NXB Thanh Niên,

2003, tr.87)

Chú thích:

(1) Hợp: Tiếng cổ có nghĩa là đáng, nên

(2) Âu chi: Lo chi

(3) Nghị: dị nghị ở đây hiểu là chê

(4) Đìa thanh: Đìa là vùng nước ngoài đồng. Thanh là trong

(5) Phong nguyệt: gió, trăng

(6) Yên hà: Khói, ráng

(7) Vạy: oằn, cong. Nặng vạy then: chở nặng làm thang thuyền oằn xuống

(8) Bui: tiếng cổ, nghĩa là chỉ có

(9) Lẫn: (hoặc lẫn, miễn): tiếng cổ nghĩa là với hoặc và

(10) Mài chẳng khuyết... mài cũng không mòn, nhuộm cũng không đen. Ý nói lòng trung hiểu bền vững

Trả lời câu hỏi sau:

Câu 1. Xác định thể thơ của văn bản?

Câu 2. Từ nào trong văn bản thể hiện rõ nhất tâm thế sống của nhà thơ?

Câu 3. Chỉ ra và nêu tác dụng của một biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong hai câu thơ:

Ao cạn vớt bèo cấy muống,

Đìa thanh phát cỏ ương sen.

Câu 4. A/C hiểu như thế nào về hai câu thơ “Công danh đã được hợp về nhàn/Lành dữ âu chi thế nghị khen”?

Câu 5. Nhận xét về vẻ đẹp tâm hồn của Nguyễn Trãi được thể hiện qua văn bản?

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 150 chữ) phân tích, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của văn bản trên.

Câu 2. (4,0 điểm)

“Đời phải trải qua giông tố nhưng không được cúi đầu trước giông tố.” (Trích “*Nhật kí Đặng Thuỳ Trâm*”, NXB Hội Nhà văn, 2005). Từ câu nói trên, anh/chị hãy viết bài văn nghị luận xã hội (khoảng 400 chữ) bày tỏ ý kiến của mình về sức mạnh của bản lĩnh con người trong cuộc sống.

-----HẾT-----

ĐÁP ÁN:

I. ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

Câu 1. Thể thơ: Thất ngôn xen lục ngôn.

Câu 2. Từ trong văn bản thể hiện rõ nhất tâm thế sống của nhà thơ: Nhàn.

Câu 3.

* Bppt: Liệt kê (*Ao cạn, bèo, cấy muống, cỏ, ương sen*)

* Tác dụng:

- Tăng tính biểu cảm cho câu thơ.
- Nhấn mạnh cuộc sống bình dị và tình yêu thiên nhiên của tác giả.

(*Phép đối: (Ao cạn/Đìa thanh; vớt bèo/phát cỏ; cấy muống/ương sen)

- Tác dụng:

- + Làm cho lời thơ thêm cân đối hài hoà, giàu giá trị biểu cảm
- + Nhấn mạnh cuộc sống bình dị và tình yêu thiên nhiên của tác giả)

Câu 4.

Nội dung hai câu:

- Tác giả đã trọn vẹn với chữ “công danh” nên giờ đây chọn lối sống nhàn và không màng đến thị phi nơi thế tục hay khen chê của người đời
- Thể hiện sự nhẹ nhõm, thanh thản của Nguyễn Trãi khi trút bỏ được bụi trần, gánh nặng công danh.

Câu 5

Vẻ đẹp tâm hồn của Nguyễn Trãi trong bài thơ:

- + Lối sống nhàn cao đẹp, hòa mình vào thiên nhiên và cuộc sống của người dân lao động.
- + Tâm lòng trung với nước hiếu với dân trước sau không thay đổi.

II. VIẾT (6.0 điểm)

Câu 1. (2.0 điểm)

- Bài “Thuật hứng” số 24 (Quốc âm thi tập), viết trong những ngày tác giả về ở ẩn Côn Sơn được coi là một trong những bài hay và giá trị.

- Nội dung:

+ Mở đầu bài thơ, nhà thơ đã cho người đọc cảm nhận được sự lựa chọn của mình: “*Công danh đã hợp về nhàn/ Lành dữ âu chi thế nghị khen*”. Thi nhân quyết định từ bỏ chốn quan trường đầy thị phi để hòa mình vào thiên nhiên, giữ một tâm hồn thanh sạch.

+ Ở hai câu thơ tiếp theo, ta cảm nhận được cuộc sống giản dị, dân dã của Nguyễn Trãi nơi quê nhà: “*Ao cạn vớt bèo cấy rau muống/ Đìa thanh phát cỏ ương sen*”. Hơn thế, Nguyễn Trãi còn mang tâm hồn nhạy cảm, luôn yêu và gắn bó tha thiết với thiên nhiên: “*Kho thu phong nguyệt đầy qua nóc/ Thuyền chở yên hà nặng vậ then*”.

+ Và hai câu thơ cuối khép lại như một lời khẳng định chắc nịch cho tấm lòng trung quân, ái quốc của tác giả-Về ở ẩn, nhưng Nguyễn Trãi vẫn luôn trăn trở, âu lo cho cuộc sống của nhân dân.

- Nghệ thuật: Thể thơ thất ngôn xen lục ngôn bát cú đặc sắc kết hợp với giọng điệu tâm tình, tha thiết và những hình ảnh thơ quen thuộc đã làm nổi bật những chiêm nghiệm về cuộc đời củaỨc Trai.

Câu 2. (4,0 điểm)

* Giải thích:

- “Giông tố”: Chỉ những gian nan, thử thách, những khó khăn xảy ra với con người trong cuộc sống.

- “Cúi đầu”: Đầu hàng, lùi bước, chấp nhận thất bại.

=> Ý nghĩa: Câu nói khuyên con người không đầu hàng, lùi bước trước những khó khăn, thất bại trong cuộc đời, dám chấp nhận giông tố và vượt qua nó một cách phi thường.

- “Bản lĩnh”: là khả năng, đức tính tự quyết định một cách độc lập thái độ, hành động của mình, không vì áp lực bên ngoài mà thay đổi quan điểm. Đó là một đức tính vô cùng tốt đẹp mà con người ai cũng cần phải rèn luyện cho bản thân.

* Phân tích - chứng minh:

- HS nêu các biểu hiện của cách sống bản lĩnh: can đảm, không cúi đầu trước thử thách gian lao,...

- Vì sao con người cần có bản lĩnh trong cuộc sống:

- + Cuộc sống luôn chứa đựng những khó khăn, thử thách nhưng nếu có bản lĩnh thì con người sẽ đạp bằng mọi gian khó để vươn tới thành công.
- + Khi có bản lĩnh, con người sẽ trưởng thành hơn, vững vàng hơn, dám nghĩ dám làm và có nhiều cơ hội đạt được ước mơ, sống can đảm và tận hiến.
- + Nó còn giúp chúng ta duy trì nhân cách cao quý trong mọi hoàn cảnh, dám đấu tranh không khoan nhượng/cúi đầu trước cái xấu, cái ác,...
- Đánh giá - mở rộng:
- + Phê phán lối sống thiếu bản lĩnh, sống hèn nhát.
- + Phân biệt bản lĩnh với liều lĩnh, adua...
- * Bài học nhận thức và hành động.
- + Bản lĩnh có vai trò vô cùng quan trọng đối với cuộc sống của mỗi người
- + Muốn trau dồi bản lĩnh, chúng ta cần rèn luyện từng ngày, không ngừng phấn đấu để trở thành phiên bản tốt hơn của chính mình.

Bắc Ninh, ngày 02/03/2025

Nhóm trưởng

Đặng Thị Thu Phương